|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NGOẠI GIAO-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: /2023/TT-BNG | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

Dự thảo 2

Ngày 11/12/2023

**THÔNG TƯ**

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG TRONG NGÀNH NGOẠI GIAO

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số …/2023/NĐ-CP ngày … tháng … năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2022/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ:*

*Bộ trưởng Bộ Ngoại giao ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngoại giao.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2022.

2. Hướng dẫn tổ chức và triển khai công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngoại giao bao gồm: Quyền và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân được tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Bộ Ngoại giao; tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn thi đua; hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị, quyết định xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; nhận khen thưởng; Hội đồng thi đua, khen thưởng; báo cáo, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1.Cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Ngoại giao; cá nhân, tập thể thuộccác cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

2.Cá nhân, tập thể, các tổ chức trong nước, nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có đóng góp cho công tác đối ngoại.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Ngoại giao là cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Ngoại giao (sau đây gọi chung là cá nhân thuộc Bộ)

2. Tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Ngoại giao bao gồm các đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao theo quy định tại Nghị định 81/2022/NĐ-CP ngày 14/10/2022, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao theo Quyết định số 1642/QĐ-TTg ngày 29/12/2022; Văn phòng Đảng uỷ - Đoàn thể; các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài do Chính phủ thành lập và Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý theo Luật cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài bao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan đại diện tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ.

4. Cụm, khối thi đua là một nhóm các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng cùng tổ chức các hoạt động thi đua và bình xét khen thưởng.

5. Cơ quan ngoại vụ địa phương là các sở ngoại vụ, phòng ngoại vụ thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các cơ quan ngoại vụ địa phương).

**Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Nguyên tắc thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch; đoàn kết, hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ;

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; thành tích thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng

a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời; bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được.

b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng. Không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức khen thưởng cho cùng một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó.

c) Việc khen thưởng phải căn cứ vào thành tích đạt được, tiêu chuẩn khen thưởng và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể khi lập thành tích. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng làm điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước. Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề được ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng về thành tích công trạng.

d) Thành tích khen thưởng được xét trong tổng thể thành tích chung trên tất cả các mặt công tác của tập thể, cá nhân; ưu tiên khi xét khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có đóng góp trực tiếp, nổi bật vào thành tích chung; cá nhân, tập thể có điều kiện khó khăn hoặc công tác tại địa bàn có điều kiện đặc biệt khó khăn.

đ) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì ưu tiên cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 02 năm so với quy định chung.

e) Đề cao trách nhiệm và tính gương mẫu của Thủ trưởng đơn vị, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong công tác thi đua, khen thưởng. Thủ trưởng các đơn vị, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tham mưu, đề nghị khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý.

g) Không đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho cá nhân, tập thể không thuộc đối tượng quản lý của Bộ;

h) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ theo quy định pháp luật.

**Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong công tác thi đua, khen thưởng**

1. Quyền của cá nhân, tập thể
2. Tham gia các phong trào thi đua, được khen thưởng kèm theo hiện vật khen thưởng và hưởng lợi ích khác theo quy định pháp luật và quy định của Bộ Ngoại giao.
3. Cá nhân, tập thể được tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày và sử dụng hiện vật khen thưởng.
4. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể
5. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.
6. Phát huy thành tích đã đạt được, tuyên truyền, phổ biến kinh nghiệm; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng.
7. Trung thực trong báo cáo và đánh giá công trạng, thành tích; công tâm trong tham mưu, đề nghị khen thưởng.

**Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác thi đua, khen thưởng**

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi ngành Ngoại giao và trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ.

2. Văn phòng Bộ, căn cứ nhiệm vụ, kế hoạch công tác của Bộ, phối hợp với Đảng ủy Bộ, Công đoàn Bộ và các đơn vị liên quan đề xuất chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; tổ chức và kiểm tra các phong trào thi đua; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể cùng cấp tổ chức, phát động và chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

**Chương II**

**TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN
DANH HIỆU THI ĐUA**

**Điều 7. Hình thức, danh hiệu thi đua**

1. Hình thức thi đua gồm:

a) Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua được tổ chức phát động hằng năm nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong cùng đơn vị, các đơn vị thuộc Bộ hoặc giữa các đơn vị trong các Cụm, khối thi đua của Bộ.

b) Thi đua theo đợt hoặc chuyên đề là hình thức thi đua được tổ chức phát động nhằm thực hiện tốt một nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực ưu tiên cần tập trung hoàn thành trong khoảng thời gian nhất định.

2. Các danh hiệu thi đua:

a) Đối với cá nhân: “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao” và “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

b) Đối với tập thể: “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao” và “Cờ thi đua của Chính phủ”.

**Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua**

1. Xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua; trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung, chỉ tiêu thi đua phải khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị và có tính khả thi.

2. Triển khai các biện pháp để tổ chức, vận động các cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua; thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua, tăng cường phổ biến sáng kiến kinh nghiệm, cách làm hay; phát hiện bồi dưỡng, tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả phong trào thi đua và lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

**Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu nhất trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao”.

2. Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học được nghiệm thu và áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc, được Bộ trưởng xác nhận.

**Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao”**

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao” được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Thời điểm xét tặng là năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

2. Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong ngành Ngoại giao, hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học được nghiệm thu và áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Ngoại giao, được Bộ trưởng xác nhận.

**Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”**

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hằng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

b) Xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” hoặc có một trong các thành tích sau: có sáng kiến hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả.

2. Thủ trưởng đơn vị đánh giá, xác nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học của các cá nhân thuộc đơn vị; và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về kết quả đánh giá.

3. Thủ trưởng của đơn vị không đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không được xem xét, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Tập thể được bình xét từ 02 cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” trở lên ưu tiên dành ít nhất 01 chỉ tiêu cho cá nhân không phải là lãnh đạo đơn vị.

4. Tỷ lệbình xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở không vượt quá 20% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị.

**Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”**

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:
2. Được xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên;
3. Gương mẫu, chấp hành tốt nội quy, quy định của đơn vị, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; không bị kỷ luật theo quy định của Đảng và nhà nước; có đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; có tinh thần khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; tích cực tham gia các phong trào thi đua.

2. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt các quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và của Bộ, hoàn thành chương trình học đúng hạn và đạt kết quả học tập từ loại Khá trở lên thì được bình xét đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Thời gian đi học ngắn hạn, nghỉ phép, nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về lao động được tính là thời gian công tác liên tục để bình xét danh hiệu thi đua.

5. Đối với cá nhân luân chuyển công tác, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm bình xét danh hiệu thi đua; trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên thì phải có ý kiến nhận xét, đánh giá của đơn vị cũ. Đối với cá nhân đang chờ phân công công tác hoặc công tác ở đơn vị cũ từ 10 tháng trở lên, việc bình xét danh hiệu thi đua do cơ quan, đơn vị cũ thực hiện.

6. Đối với cá nhân được điều động, biệt phái đến đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét danh hiệu thi đua do đơn vị điều động, biệt phái thực hiện và được đơn vị tiếp nhận xác nhận.

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với cá nhân mới tuyển dụng có thời gian công tác dưới 10 tháng, cá nhân bị cấp có thẩm quyền phê bình nghiêm khắc hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

**Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong số các tập thể dẫn đầu Khối thi đua các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

c) Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ bỏ phiếu lựa chọn trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao; tỷ lệ bình xét danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao.

d) Trường hợp được tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thì không tặng “Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao”; trường hợp tập thể được trình cấp có thẩm quyền xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được tặng, thì được xem xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao”.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động có thời gian thực hiện từ 05 năm trở lên khi sơ kết, tổng kết phong trào.

**Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao”**

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn:
2. Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;
3. Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao; có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả được đánh giá, bình xét theo Khối thi đua các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao và Khối thi đua các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; hoặc dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào;
4. Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.
5. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao” được xét tặng hằng năm cho các Sở Ngoại vụ đạt điều kiện, tiêu chuẩn sau:
6. Được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
7. Được Cụm thi đua các cơ quan ngoại vụ địa phương đánh giá, bình xét là tập thể xuất sắc, tiêu biểu.

**Điều 15. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”**

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

2. Có 100% cá nhân trong tập thể được xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên và có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; không có cá nhân, tập thể bị kỷ luật theo quy định của Đảng và nhà nước;

3. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

4. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy định của Bộ Ngoại giao.

**Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”**

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Được xếp loại “Hoàn thành tốt các nhiệm vụ”;

2. Tham gia, hưởng ứng tích cực, thiết thực và hiệu quả các phong trào thi đua thường xuyên do Bộ phát động;

3. Có 100% cá nhân trong tập thể được xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên và có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”; không có cá nhân, tập thể bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên theo quy định của Đảng và nhà nước (thời gian tính theo ngày ban hành quyết định kỷ luật);

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy định của Bộ Ngoại giao.

**Chương III**

**HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

**Điều 17. Các loại hình khen thưởng**

1. Khen thưởng theo công trạng (khen thưởng thường xuyên) là khen thưởng cho cá nhân, tập thể có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; công tác đối ngoại và xây dựng ngành Ngoại giao.

2. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

Thành tích xuất sắc đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà cá nhân, tập thể phải đảm nhiệm. Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt trong các lĩnh vực công tác của ngành Ngoại.

3. Khen thưởng phong trào thi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ; có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hoặc sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao.

**Điều 18. Các hình thức khen thưởng**

1. Hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:
2. Huân chương: Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba; Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Huân chương Dũng cảm; Huân chương Hữu nghị;
3. Huy chương Hữu nghị;
4. Danh hiệu: “Anh hùng Lao động”; “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”; “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”; “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”;
5. Giải thưởng: giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước;
6. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.
7. Hình thức khen thưởng của Bộ Ngoại giao:
8. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;
9. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngoại giao Việt Nam”;
10. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Ngoại giao và Thủ trưởng các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
11. Các hình thức ghi nhận khác: Tuyên dương của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; Thư khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao.

**Điều 19. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao**

1. Đối với tập thể, cá nhân thuộc Bộ Ngoại giao và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
2. Đối với tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Khen thưởng theo công trạng (khen thưởng thường xuyên): 02 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; tổ chức Đảng, đoàn thể được xếp loại “Xuất sắc”.

- Khen thưởng đột xuất: đạt thành tích xuất sắc đột xuất và có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Ngoại giao.

- Khen thưởng theo phong trào thi đua hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước: Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động; trong công tác đối ngoại; công tác xây dựng Ngành hoặc các đợt công tác lớn của Bộ; thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Ngoại giao.

1. Đối với cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn:

- Khen thưởng theo công trạng (khen thưởng thường xuyên): Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

- Khen thưởng đột xuất: Đạt thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Ngoại giao.

- Khen thưởng theo phong trào thi đua hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước: Có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động; thành tích đạt được có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Ngoại giao.

- Khen thưởng quá trình cống hiến được xét tặng cho cá nhân khi đến tuổi nghỉ hưu có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao, không bị kỷ luật về Đảng và chính quyền từ hình thức cảnh cáo trở lên trong quá trình công tác. Đối tượng được xét tặng là: Lãnh đạo cấp Vụ có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ một nhiệm kỳ 05 năm đến dưới 10 năm; Trưởng phòng hoặc tương đương được Bộ trưởng bổ nhiệm, có tổng thời gian giữ chức vụ từ 10 năm trở lên.

1. Bằng khen của Bộ trưởng được xét tặng cho tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan ngoại vụ địa phương vào dịp Hội nghị Ngoại vụ toàn quốc, tổng kết phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động hoặc các đợt công tác lớn của Bộ.

a) Đối với tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- 02 năm trở lên trước thời điểm đề nghị khen thưởng liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, đóng góp tích cực trong công tác đối ngoại; 100% cán bộ, công chức và viên chức chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phối hợp công tác thường xuyên, hiệu quả với các đơn vị liên quan của Bộ.

- Có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác đối ngoại, đóng góp tích cực trong các đợt công tác lớn của Bộ hoặc thành tích xuất sắc tiêu biểu trong hoạt động của Cụm Thi đua các cơ quan ngoại vụ địa phương, các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động.

b) Đối với cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- 02 năm trở lên trước thời điểm đề nghị khen thưởng liên tục đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, trong đó có 01 năm được công nhận là Chiến sĩ thi đua cơ sở.

- Có thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác đối ngoại, đóng góp tích cực trong các đợt công tác lớn của Bộ hoặc thành tích xuất sắc tiêu biểu trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động.

c) Cá nhân, tập thể tại khoản 2 điều này phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xác nhận thành tích và đề nghị khen thưởng; cá nhân chỉ được xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng không quá một lần trong một năm.

1. Đối với tập thể, cá nhân không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều này: Có thành tích xuất sắc và đóng góp tích cực trong các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao hoặc các hoạt động đối ngoại lớn do Bộ Ngoại giao chủ trì.

4. Đối với cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài: Có đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoặc cho việc xây dựng và phát triển cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; tích cực vận động, tham gia các hoạt động hướng về quê hương, đất nước; có đóng góp cho việc tăng cường và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với nước sở tại; chấp hành tốt pháp luật nước sở tại và pháp luật Việt Nam.

5. Đối với cá nhân, tổ chức người nước ngoài: Có tinh thần đoàn kết hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, luật pháp và phong tục, tập quán Việt Nam; có đóng góp tích cực vào việc củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác: giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế; giữa Bộ Ngoại giao Việt Nam với Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan phụ trách đối ngoại của các nước, tổ chức quốc tế; có đóng góp tích cực cho công tác bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài.

**Điều 20. Giấy khen của Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Ngoại giao và Thủ trưởng các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài**

1. Giấy khen được xét tặng hằng năm cho các cá nhân, tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:
2. Đối với tập thể:

- Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; tổ chức Đảng, đoàn thể được xếp loại “Xuất sắc”;

- Có đóng góp tích cực trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng phát động; hoặc các đợt công tác lớn của đơn vị; hoặc có sáng kiến/giải pháp công tác có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở.

1. Đối với cá nhân:

- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của đơn vị và của Bộ; có đóng góp tích cực vào thành tích chung của cơ quan, đơn vị;

- Có sáng kiến/giải pháp công tác có phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở.

1. Giấy khen là cơ sở ưu tiên để đánh giá, xếp loại thi đua và hình thức khen thưởng cấp Bộ cho cá nhân, tập thể thuộc Bộ.
2. Đối với tập thể, cá nhân không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này: Có đóng góp tích cực trong các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ hoặc các hoạt động đối ngoại quan trọng do đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ chủ trì.
3. Giấy khen được xét tặng cho cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài: Có những đóng góp tích cực trong việc tăng cường và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với nước sở tại; chấp hành tốt pháp luật nước sở tại và pháp luật Việt Nam; hoặc có đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài; tích cực vận động, tham gia các hoạt động hướng về quê hương, đất nước.
4. Giấy khen được xét tặng cho cá nhân, tổ chức người nước ngoài có đóng góp tích cực vào việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc; hoặc trong việc tăng cường và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với nước sở tại; hoặc các lĩnh vực công tác của Cơ quan đại diện; chấp hành tốt pháp luật của nước sở tại và Việt Nam.

**Điều 21. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngoại giao Việt Nam”**

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngoại giao Việt Nam” (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Bộ Ngoại giao để ghi nhận, động viên đối với cá nhân có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao Việt Nam.

2. Kỷ niệm chương được xét tặng hằng năm nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập ngành Ngoại giao (ngày 28 tháng 8) cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hoặc xét tặng đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.

3. Điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân công tác trong ngành Ngoại giao:

a) Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Bộ Ngoại giao không tính thâm niên công tác khi xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Cá nhân có tổng thời gian công tác trong ngành Ngoại giao từ 20 năm trở lên đối với nam và 15 năm đối với nữ; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian công tác.

c) Cá nhân chuyển từ cơ quan khác về Bộ Ngoại giao công tác, nếu chưa đủ thời gian để xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại điểm b Khoản này thì được xét tặng trước khi nghỉ hưu nếu có đủ 30 năm công tác liên tục trở lên đối với nam và 20 năm đối với nữ, trong đó có ít nhất 10 năm công tác trong ngành Ngoại giao.

d) Thâm niên công tác để xét tặng Kỷ niệm chương được tính như sau:

- Thời gian công tác được tính từ ngày có quyết định tuyển dụng đến thời điểm đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương hoặc đến ngày quyết định nghỉ hưu; thời gian công tác theo diện hợp đồng ngắn hạn không tính vào thâm niên công tác.

- Cá nhân được cử đi học, đi nghĩa vụ quân sự hoặc biệt phái sang cơ quan khác sau đó trở lại Bộ Ngoại giao công tác thì được tính công tác liên tục trong ngành Ngoại giao.

- Cá nhân công tác trong ngành Ngoại giao không liên tục thì thời gian công tác được cộng dồn tổng số thời gian làm việc tại các đơn vị thuộc Bộ; đủ 12 tháng được tính là 01 năm công tác trong ngành Ngoại giao;

 đ) Cá nhân được tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong quá trình công tác được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn thời gian quy định. Thời gian sớm hơn áp dụng một lần tính theo hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua cao nhất và cụ thể như sau:

- Được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, được tặng thưởng Huân chương Lao động trở lên được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 05 năm.

- Được công nhận đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 03 năm.

- Được công nhận đạt danh hiện Chiến sĩ thi đua cơ sở, được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn 02 năm.

4. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước không tính thâm niên công tác khi xét tặng Kỷ niệm chương.

5. Lãnh đạo các ban, bộ, ngành, tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ít nhất một nhiệm kỳ 05 năm.

6. Lãnh đạo cấp Vụ và tương đương của các ban, bộ, ngành; Lãnh đạo Sở Ngoại vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thời gian giữ chức vụ giữ chức vụ 01 nhiệm kỳ trở lên; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ; có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao;

7. Cán bộ, công chức, viên chức đã và đang công tác trong các cơ quan ngoại vụ địa phương; các Cục, Vụ đối ngoại, hợp tác quốc tế thuộc các ban, bộ, ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội có thời gian công tác liên tục từ 20 năm trở lên đối với nam và 15 năm đối với nữ, (thời gian công tác theo diện hợp đồng ngắn hạn không tính vào thâm niên công tác), trong đó có thời gian công tác trong lĩnh vực đối ngoại ít nhất 15 năm đối với nam và 10 năm đối với nữ; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có thành tích, công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Ngoại giao.

8. Cá nhân được bổ nhiệm làm Trưởng cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ít nhất một nhiệm kỳ công tác 03 năm.

9. Người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài có đóng góp tích cực: trong các hoạt động đối ngoại của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, vào việc củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với nước sở tại, hoặc với các tổ chức quốc tế; quan hệ hợp tác giữa Bộ Ngoại giao Việt Nam với Bộ Ngoại giao các nước, tổ chức quốc tế.

10. Kỷ niệm chương có thể được xét tặng nhiều lần cho các chức vụ của cá nhân (trừ các trường hợp tại khoản 3 Điều này), không xét tặng kỷ niệm chương nhiều lần cho cùng một chức vụ của cá nhân.

**Điều 22. Các hình thức ghi nhận khác**

1. Tuyên dương của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
2. Tuyên dương của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xét tặng cho tập thể thuộc Bộ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có từ 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”; tổ chức Đảng, đoàn thể được xếp loại “Xuất sắc”;

- Có nhiều đóng góp tích cực trong công tác đối ngoại, công tác xây dựng Ngành hoặc các đợt công tác lớn của Bộ; chưa đủ điều kiện và tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

1. Tuyên dương của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xét tặng cho cá nhân thuộc Bộ đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có từ 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và có ít nhất 01 lần được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Tham gia trực tiếp và có nhiều đóng góp tích cực trong công tác đối ngoại, công tác xây dựng Ngành hoặc các đợt công tác lớn của Bộ; chưa đủ điều kiện và tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Bộ trưởng.

1. Tuyên dương của Bộ trưởng là cơ sở để ưu tiên xét tặng khen thưởng thường xuyên cấp Bộ và các danh hiệu thi đua khác.

2.Thư khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao

a) Thư khen của Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao dành cho các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý (trừ các đơn vị quy định tại Điều 20) đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có từ 02 năm liên tục đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Tham gia trực tiếp hoặc có đóng góp tích cực vào các phong trào thi đua của đơn vị và của Bộ; chưa đủ điều kiện được xét tặng Tuyên dương của Bộ trưởng.

b) Thư khen của Thủ trưởng là cơ sở ưu tiên để đánh giá, xếp loại thi đua.

**Chương IV**

**THẨM QUYỀN, HỒ SƠ, THỦ TỤC, ĐỀ NGHỊ
XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

**Điều 23. Thẩm quyền đề nghị, quyết định xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

1. Thẩm quyền đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: Cấp nào quản lý cá nhân, tổ chức và quỹ lương thì có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý (trừ các trường hợp khen thưởng đối ngoại).
2. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng
3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao tặng:

- “Cờ Thi đua của Bộ Ngoại giao” cho các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các đơn vị dẫn đầu Cụm thi đua các Sở Ngoại vụ địa phương;

- Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến” cho các đơn vị thuộc Bộ và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao” cho các cá nhân thuộc Bộ và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

- Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” cho các cá nhân thuộc Bộ (trừ các đơn vị thuộc điểm b và c khoản này);

- Bằng khen và Tuyên dương của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngoại giao Việt Nam”.

1. Thủ trưởng các đơn vị có tư cách pháp nhân quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen cho tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.
2. Thủ trưởng các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định tặng danh hiệu: “Lao động tiên tiến” và Giấy khen cho cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.
3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trừ các trường hợp ở điểm b, khoản này quyết định hình thức Thư khen cho các cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý.

**Điều 24. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục**

1. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bộ trưởng về đề nghị khen thưởng, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Việc hiệp y khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số /2023/NĐ-CP.

3. Đối với đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể đơn vị hoặc cá nhân là Thủ trưởng đơn vị phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền. Đơn vị thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với đơn vị không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

4. Đối với hình thức khen thưởng Huân chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và danh hiệu vinh dự nhà nhà nước, Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ Thông tin Báo chí công khai danh sách cá nhân, tập thể trên các phương tiện truyền thông thuộc Bộ (Báo, Cổng thông tin điện tử) ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản). Việc lấy ý kiến của nhân dân trên phương tiện thông tin truyền thông và kết quả xử lý thông tin (kể cả đơn thư khiếu nại, tố cáo nếu có) phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ trước khi trình cấp trên khen thưởng và được nêu trong Biên bản xét khen thưởng của Bộ.

5. Ban Cán sự đảng Bộ Ngoại giao xem xét, cho ý kiến bằng văn bản trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

a) Khen thưởng đối với cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý

b) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” các hạng, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Nhà giáo nhân dân”, “Giải thưởng Hồ Chí minh”, “Giải thưởng nhà nước”.

6. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính từ thời điểm ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

7. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài hoặc đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao xác nhận thành tích và đề nghị khen thưởng cho cá nhân, tổ chức nước người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc cá nhân, tổ chức người nước ngoài; tổ chức quốc tế thuộc phạm vi lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách.

**Điều 25. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể thuộc Bộ và cơ quan dại diện Việt Nam ở nước ngoài có 01 bộ bản chính, gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua (theo mẫu … tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này) phải có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị. Báo cáo thành tích của cá nhân là người đứng đầu đơn vị phải có xác nhận của Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị;

c) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - khen thưởng (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này);

- Khi xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ phải họp và bỏ phiếu kín; và có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng - Thi đua khen thưởng Bộ từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

- Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Cờ thi đua Bộ Ngoại giao”, “Cờ thi đua Chính phủ” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng - Thi đua khen thưởng Bộ từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học đối với đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; Chứng nhận hoặc xác nhận của Bộ trưởng về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong Bộ hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ đối với đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao”; Quyết định xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Văn bản của Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao về việc đề xuất khen thưởng đối với các trường hợp thuộc khoản 5 Điều 24.

1. Các đơn vị trong nước, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nộp hồ sơ về Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ thẩm định hồ sơ; báo cáo Hội đồng Thi đua - khen thưởng Bộ xét duyệt; báo cáo Lãnh đạo Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua cấp Bộ hoặc đề nghị cấp trên xét tặng danh hiệu“Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua Chính phủ”.

**Điều 26. Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước**

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho cá nhân, tập thể thuộc Bộ có 02 bộ bản chính, gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng (kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng);

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này) có xác nhận của Lãnh đạo Bộ, cụ thể:

- Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm hoặc văn bản xác nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền trong thời gian tính thành tích khen thưởng của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng; số quyết định, ngày, tháng, năm được tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (trừ trường hợp khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

- Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng của cá nhân, tập thể ngoài việc thể hiện thành tích đáp ứng theo tiêu chuẩn quy định còn phải thể hiện chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Báo cáo tóm tắt thành tích đối với cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài do đơn vị đề xuất khen thưởng thực hiện.

c) Biên bản họp Hội đồng - Thi đua khen thưởng (theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm Thông tư này). Đối với cá nhân, tập thể khi được đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng cấp nhà nước phải đạt từ 2/3 số phiếu đồng ý của Hội đồng - Thi đua khen thưởng Bộ trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với thành tích, sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học, hoặc thành tích đột xuất hoặc xuất sắc đột xuất trong công tác, học tập và nghiên cứu khoa học có phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ trở lên hoặc có đóng góp tích cực trong các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao; Quyết định công nhận chất lượng cán bộ; Quyết định các danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân thuộc đơn vị.

đ) Văn bản của Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao về việc đề xuất khen thưởng đối với các trường hợp thuộc khoản 5 Điều 24.

1. Đối với khen thưởng theo công trạng: Căn cứ vào hướng dẫn hằng năm của Văn phòng Bộ về điều kiện, tiêu chuẩn để đề xuất khen thưởng, các đơn vị gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ tổng hợp, thẩm định; lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao; báo cáo Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ xét duyệt; báo cáo Lãnh đạo Bộ, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao (đối với trường hợp thuộc khoản 5 Điều 24); trình Bộ trưởng xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**Điều 27. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng cấp Bộ**

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Bộ gồm 01 bộ (bản chính):

a) Công văn kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng của đơn vị;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng, cụ thể:

- Đối với đề nghị xét tặng Bằng khen Bộ trưởng Bộ Ngoại giao theo mẫu … tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc cơ quan chủ quản;

- Đối với đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Ngoại giao Việt Nam” báo cáo thành tích và quá trình công tác theo mẫu … tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, có xác nhận của của thủ trưởng đơn vị hoặc cơ quan chủ quản;

c) Biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trình khen thưởng (trừ các trường hợp quy định tại Điều 21 Thông tư này). Đối với cá nhân, tập thể khi được đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng” phải đạt từ 2/3 số phiếu đồng ý của Hội đồng - Thi đua khen thưởng Bộ trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

d) Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về sáng kiến, thành tích xuất sắc đột xuất trong công tác, học tập và nghiên cứu khoa học có phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ hoặc có đóng góp tích cực trong các lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao.

2. Văn phòng Bộ chủ trì hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài tiến hành khen thưởng thường xuyên cấp Bộ. Các đơn vị tổng hợp hồ sơ gửi về Văn phòng Bộ để thẩm định; báo cáo Hội đồng thi đua - khen thưởng Bộ xét duyệt; báo cáo Lãnh đạo Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng.

**Điều 28. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản**

1. Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật thi đua, khen thưởng.
2. Hồ sơ đề nghị bao gồm:
3. Tờ trình đề nghị khen thưởng;
4. Bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị hoặc cơ quản chủ quản. Báo cáo tóm tắt thành tích của tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài do đơn vị đề xuất khen thưởng thực hiện.
5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản gồm 01 bộ bản chính đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và 02 bộ bản chính đối với hình thức khen thưởng cấp Nhà nước.
6. Các loại hình thức khen thưởng quy định tại khoản 2, 3 và 4, Điều 17 Thông tư này: Căn cứ vào thành tích đạt được các đơn vị thuộc Bộ chủ động xem xét, phối hợp với Văn phòng Bộ, trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương khen thưởng cho cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý hoặc thuộc phạm vi lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách. Sau khi có ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Bộ, các đơn vị gửi hồ sơ về Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ thẩm định hồ sơ; báo cáo cấp có thẩm quyền, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng cấp Bộ hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hình thức khen thưởng cấp nhà nước.
7. Đối với khen thưởng đối ngoại: Các đơn vị thuộc Bộ chủ động xem xét và trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương khen thưởng cho cá nhân, tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài; cá nhân, tổ chức người nước ngoài, tổ chức quốc tế thuộc phạm vi lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách. Sau khi có ý kiến đồng ý của Lãnh đạo Bộ, các đơn vị gửi danh sách và hồ sơ đề nghị khen thưởng về Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ thẩm định hồ sơ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng cấp Bộ hoặc trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hình thức khen thưởng cấp nhà nước.

**Điều 29. Thời hạn nộp hồ sơ, thẩm định hồ sơ và thời gian thông báo kết quả khen thưởng**

1. Thời hạn nộp hồ sơ
2. Đối với các danh hiệu thi đua cuối năm xét tặng cho tập thể, cá nhân thuộc Bộ: Thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Bộ;
3. Đối với danh hiệu Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Ngoại giao, Chiến sĩ thi đua Bộ Ngoại giao: Trước ngày 28/2 hằng năm;
4. Đối với khen thưởng theo công trạng (khen thưởng thường xuyên): Trước ngày 15/4 hằng năm;
5. Đối với khen thưởng đột xuất, khen thưởng quá trình cống hiến và các hình thức khen thưởng khác: Thực hiện theo hướng dẫn của Văn phòng Bộ.
6. Thời gian thẩm định hồ sơ
7. Đối với khen thưởng cấp Bộ: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
8. Đối với khen thưởng cấp Nhà nước: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
9. Thời gian thông báo kết quả khen thưởng:
10. Đối với khen thưởng cấp Nhà nước: Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Văn phòng Bộ có trách nhiệm sao quyết định gửi các đơn vị liên quan và thông báo kết quả khen thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng.
11. Đối với khen thưởng cấp Bộ: Sau khi Bộ trưởng ký quyết định khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Văn phòng Bộ có trách nhiệm thông báo kết quả khen thưởng đến tập thể, cá nhân được khen thưởng.

**Điều 30. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng**

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 25, 26, 27 và 28 của Nghị định số /2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Cục Lễ tân Nhà nước chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng cấp Bộ và khen thưởng cấp Nhà nước do Bộ Ngoại giao trình cho cá nhân, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

3. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài chủ trì tổ chức trao tặng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị cho cá nhân, tổ chức nước ngoài tại nước sở tại theo đề nghị bằng văn bản của cơ quan trình khen thưởng. Cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm chuyển quyết định, hiện vật khen thưởng và phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để tổ chức trao tặng đảm bảo trang trọng và phù hợp với điều kiện thực tế.

**Chương V**

**NHẬN KHEN THƯỞNG**

**Điều 31. Trách nhiệm của cá nhân, tập thể thuộc Bộ Ngoại giao khi được đề nghị nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài**

1. Cá nhân, tập thể chỉ nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài khi được cấp có thẩm quyền đồng ý.

2. Cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, từ trần) được đề nghị nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của cá nhân, tổ chức Việt Nam hoặc nước ngoài cho thành tích đạt được trong thời gian tại chức, thì cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, từ trần) xem xét, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 32. Hồ sơ, thủ tục nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của cá nhân, tổ chức Việt Nam**

1. Hồ sơ đề nghị nhận khen thưởng, gồm:

a) Văn bản đề nghị nhận khen thưởng của ban, bộ, ngành và địa phương (có nêu tóm tắt về hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng);

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể trong đó ghi rõ hành động, thành tích được đề nghị nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng;

c) Văn bản xác nhận về việc chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước tại địa phương nơi cư trú (đối với cá nhân đã nghỉ hưu).

1. Thủ tục nhậnhình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của ban, bộ, ngành và địa phương:
2. Đối với khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong cùng đơn vị: Đơn vị chủ quản gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 về Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định; báo cáo Lãnh đạo Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến.
3. Đối với khen thưởng cho cá nhân, tập thể của nhiều đơn vị trong Bộ: Đơn vị chủ quản (thành tích thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn phụ trách) chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị liên quan trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt chủ trương khen thưởng. Sau khi có ý kiến phê duyệt về chủ trương của Lãnh đạo Bộ, đơn vị gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 1 về Văn phòng Bộ thẩm định; báo cáo Lãnh đạo Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến.

3. Cá nhân, tập thể thuộc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được ban, bộ, ngành, địa phương đề nghị nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng cấp nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 26 hoặc 28 Thông tư này.

**Điều 33. Hồ sơ, thủ tục nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài**

1. Các trường hợp cá nhân, tập thể thuộc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được đề nghị nhậnhình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng nước ngoài báo cáo Lãnh đạo Bộ, gồm:
2. Các hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của cơ quan nhà nước, cơ quan thuộc chính quyền, tổ chức chính trị, tôn giáo của nước ngoài.
3. Các hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của tổ chức không thuộc điểm a, khoản 1 Điều này nhưng có dấu hiệu nhạy cảm về chính trị, đối ngoại, dân chủ, nhân quyền và tôn giáo.
4. Các trường hợp cá nhân, tập thể thuộc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được đề nghị nhậnhình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng nước ngoài báo cáo thủ trưởng đơn vị hoặc thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, gồm:

a) Các hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cá nhân nhận khen thưởng về thành tích học tập của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trừ trường hợp có dấu hiệu nhạy cảm về chính trị, đối ngoại, dân chủ, nhân quyền và tôn giáo.

1. Hồ sơ nhận khen thưởng, gồm:
2. Văn bản đề nghị nhận khen thưởng của cá nhân, tổ chức nước ngoài (kèm theo bản dịch), trong đó có nêu tóm tắt về hình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng;
3. Văn bản xác nhận về việc chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại địa phương nơi cư trú (đối với cá nhân đã nghỉ hưu).
4. Thủ tục nhậnhình thức khen thưởng, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài:

a)Cá nhân, tập thể thuộc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi hồ sơ về Văn phòng Bộ. Văn phòng Bộ phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định; báo cáo Lãnh đạo Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến.

b) Cá nhân, tập thể thuộc Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này báo cáo Thủ trưởng Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài xem xét, cho ý kiến.

**Chương VI**

**HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG**

**Điều 35. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Ngoại giao**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Ngoại giao là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngoại giao. Hội đồng do Bộ trưởng quyết định thành lập và chịu sự lãnh đạo của Bộ trưởng.

2. Hội đồng có 15 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Chánh Văn phòng Bộ.

c) 04 ủy viên thường trực, do Bộ trưởng chỉ định, gồm: Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ Ngoại giao; Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ; Vụ trưởng Vụ Chính sách đối ngoại; Chánh Thanh tra Bộ.

d) 09 Ủy viên không thường trực là Thủ trưởng đơn vị đại diện cho các Khối thi đua trong nước, do Thủ trưởng các đơn vị trong nước đề cử và bỏ phiếu bầu với nhiệm kỳ 02 năm.

e) Đơn vị thực hiện nhiệm vụ Thường trực Hội đồng là Văn phòng Bộ.

g) Thư ký Hội đồng là Phó Chánh Văn phòng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng. Thư ký Hội đồng không phải là thành viên Hội đồng, không có quyền bỏ phiếu và biểu quyết tại Hội đồng.

Cơ cấu và số lượng thành viên của Hội đồng có thể thay đổi theo yêu cầu công tác trên cơ sở quyết định của Chủ tịch Hội đồng, song số lượng thành viên của Hội đồng là số lẻ để bảo đảm thủ tục bỏ phiếu, biểu quyết.

**Điều 36. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở**

1. Các đơn vị trong nước thuộc Bộ có tư cách pháp nhân thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở với thành phần gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị;

b) Phó Chủ tịch thường trực là lãnh đạo đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng; các Phó Chủ tịch khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

c) Các Ủy viên là đại diện cấp ủy, tổ chức đoàn thể và thủ trưởng một số đơn vị khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở hoạt động theo Quy chế do Thủ trưởng đơn vị ban hành, thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn về công tác thi đua, khen thưởng; làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số; trường hợp ý kiến các thành viên Hội đồng ngang nhau thì lấy ý kiến của Chủ tịch Hội đồng.

**Điều 37. Công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học**

1. Việc xét công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Việc nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

**Chương VII**

**BÁO CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

**Điều 38. Chế độ báo cáo**

1. Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức tổng kết đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Văn phòng Bộ trước ngày 15/12 hằng năm.

2. Các Cụm, Khối Thi đua, các đơn vị thuộc Bộ có phát động phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề phải tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào, gửi báo cáo kết quả về Văn phòng Bộ để tổng hợp, báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

**Điều 39. Thanh tra, kiểm tra**

1. Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; Thanh tra Bộ căn cứ quy định của Thông tư tiến hành thanh tra hành chính các tập thể thuộc quyền quản lý của Bộ Ngoại giao xây dựng kế hoạch thanh tra chuyên ngành thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trong phạm vi toàn ngành.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức phong trào thi đua và thực hiện chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng trong phạm vi quản lý.

**Điều 40. Xử lý vi phạm**

1. Trình tự, thủ tục xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Thi đua Khen thưởng.

2. Các trường hợp hủy bỏ quyết định khen thưởng:

a) Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;

b) Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

**Điều 41. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng**

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của Bộ Ngoại giao; xây dựng cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng của Bộ Ngoại giao.

**Chương IX**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 42. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Thông tư này.

**Điều 43. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư số 03/2018/TT-BNG ngày 01/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hướng dẫn thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngoại giao./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ);- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao;- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);- Ban TĐKT Trung ương;- Cổng Thông tin điện tử Bộ Ngoại giao;- Lưu: HC, VPB. | **BỘ TRƯỞNG** |